

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/HC-PT

Ngày 18 -7- 2017

V/v: “Khiếu kiện Quyết định hành chính
và bồi thường thiệt hại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé

Các thẩm phán:

Bà Trịnh Thị Thu Lan

Ông Nguyễn Đức Dũng

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Na Na - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Ông Hồ Hồng Quang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 07/2017/TLPT-HC ngày 09 tháng 6 năm 2017 về “Khiếu kiện quyết định hành chính và bồi thường thiệt hại”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2017/QĐXXPT-HC ngày 03 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Khu dân cư số 4, thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hạ Thị L, sinh năm 1956; *Địa chỉ:* Khu dân cư số 4, thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (tại văn bản ủy quyền ngày 07/4/2017), bà L có mặt.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hạ Thị L và Anh Nguyễn Hữu T

Cùng địa chỉ: Khu dân cư số 4, thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; đều có mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Ngọc T, là người khởi kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/11/2015; ngày 18/10/2016; Biên bản đối thoại và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc T là bà Hạ Thị L trình bày:

Nguồn gốc thửa đất tại khu vực Cụm Trùm 4, thôn B, xã T, huyện S diện tích 5.848m² (thuộc vị trí 3, tờ bản đồ số 34, xã T) là của ông, bà, cha mẹ ông T sử dụng ổn định, lâu dài từ lúc sinh thời đến năm 1962 thì cha ông T là Nguyễn T chết. Sau khi cha ông chết ông T tiếp tục sử dụng đất để trồng bạch đàn, nhưng canh tác không đồng loạt nên người dân xung quanh thả trâu, bò vào phá, thời tiết khắc nghiệt nên chết, cây còn sống chậm lớn nên còn lại ít cây gia đình ông khai thác làm nhà ở. Hiện nay đất trên ông không biết diện tích bao nhiêu, ông chưa được Nhà Nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không có để cung cấp cho Tòa án. Năm 2000, vì hoàn cảnh gia đình nghèo khó, gia đình ông phải vào Nam sinh sống. Vào cuối năm 2003, gia đình ông về tiếp tục mua 2000 cây keo trồng trên diện tích của gia đình ông, còn một phần diện tích đất của gia đình ông bị các ông Nguyễn Đ, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C vào phát để trồng bạch đàn, chè. Ông phát hiện nên chặn lại không cho phát và phá cây trên đất của gia đình ông. Các ông Nguyễn Đ, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C nói với ông là cho ông T, ông Đ, ông C làm vì đã lỡ phát và trồng cây bao giờ khai thác gỗ các ông trên trả lại đất cho ông. Ông có mua 200 cây bạch đàn trồng để làm ranh giới. Năm 2013, các ông Nguyễn Đ, ông Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T thu hoạch xong cây keo trả lại đất cho ông, nên ông đã trồng keo trên toàn bộ diện tích đất 6.500 cây keo vào tháng 6 năm 2013. Sau khi ông trồng keo thì vào ngày 19/9/2013 các ông Nguyễn Đ, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C nhổ bỏ của gia đình ông khoảng 4.000 cây và đập phá 31 trụ bê tông của ông, ông có đơn gửi Công an huyện Sơn Tịnh giải quyết, nhưng Công an huyện Sơn Tịnh cho rằng hành động của ông C, ông T, ông Đ là hành vi bảo vệ tài sản. Sau đó, ông đúc lại trụ bê tông trồng tiếp 12 cây trụ bê tông và trồng thêm vào 1200 cây keo. Đến năm 2014, Bí thư thôn, Đảng, Đoàn viên thôn, Công an thôn và nhân dân thôn B ra chặt phá cây keo của ông. Ông tiếp tục trồng dặm lại nên bị Ủy ban nhân dân xã T vào lập Biên bản cho rằng ông trồng cây trái pháp luật và ra Quyết định xử phạt số 64/QĐ-XPVPHC ngày 30/10/2014 xử phạt hành chính ông và ra quyết định cưỡng chế nhổ 12 trụ bê tông và chặt 4500 cây Keo của ông.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 64/QĐ-XPVPHC ngày 30/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của Chủ tịch UBND xã T về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T; Quyết định số 95/QĐ-CC ngày 29/7/2015 của Chủ tịch UBND xã T về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 64/QĐ-XPVPHC ngày 30/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T và yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T bồi thường do cưỡng chế thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 64/QĐ-XPVPHC ngày 30/10/2014, tổng số tiền là 40.900.000, đồng.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T – bà Nguyễn Thị Dương L trình bày: Nguồn gốc diện tích đất 5848m², đất này trước năm 2002 là rừng nguyên sinh do UBND xã T quản lý, theo hồ sơ 299/TTg thì đất hoang đồi núi do UBND xã T kê khai tại sổ đăng ký ruộng đất quyền số 3, trang số 17, dòng thứ 15, thửa đất số 1336, diện tích 42.160 m², hồ sơ địa chính theo Nghị định 64/CP là thửa đất số 41, tờ bản đồ số 34, diện tích 432.602 m², đến năm 2003 thực hiện chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc các ông Nguyễn Văn C, Nguyễn Đ, Nguyễn Văn T có đơn xin trồng cây và được Ủy ban nhân dân xã T ký hợp đồng kinh tế ngày 25/12/2003 giao cho thuê đất diện tích 18,07 héc ta, thời hạn 30 năm từ ngày 02/11/2003 đến hết ngày 02/11/2033. Sau khi cho thuê đất, các ông C, Đ, T thuê người phát dọn và trồng cây Keo đến năm 2012 thì các ông này khai thác cây xong. Sau khi ông C, ông T, ông Đ khai thác keo năm 2012 thì bị ông T đến lấn chiếm diện tích 5848m² đất, nên các ông C, Đ, T có đơn xin giải quyết tranh chấp đất và Ủy ban nhân dân xã T tiến hành giải quyết nhưng không thành, ngày 20/12/2013 UBND xã tiến hành làm việc với các ông T, C, Đ và các ông đã thống nhất trả lại diện tích đất thuê 37.898m² trong số 18,07 héc ta trong đó có diện tích 5848m² đất của ông T lấn chiếm cho UBND xã T quản lý. UBND xã T đã ra Thông báo về việc trả lại đất của ông Đ, ông C, ông T cho Ủy ban xã, đồng thời thông báo cho các hộ dân không được phát dọn trồng cây trên đất. Tiếp đến Ủy ban nhân dân xã T họp dân và giao diện tích 37.898m² đất cho Ban thôn Bình Nam quản lý, nên ngày 08/8/2014 Ban thôn Bình Nam đã huy động nhân dân phát dọn chuẩn bị trồng cây. Đến ngày 24/10/2014, mặc dù chưa được cấp có thẩm quyền cho phép ông T thuê người mang trụ bê tông và cây keo lên trồng, UBND xã T phát hiện và lập biên bản đình chỉ và mời ông T ra làm việc nhưng ông T không chấp hành. Ngày 25/10/2014 UBND xã T cử cán bộ đến kiểm tra thì ông T vẫn đang trồng cây keo trên đất, nên Ủy ban nhân dân xã T lập Biên bản kiểm tra hiện trường, đến ngày 28/10/2014 mời ông T đến UBND xã làm việc nhưng ông T vẫn không chấp hành. Ngày 29/10/2014, UBND xã cử cán bộ đến tại hiện trường thấy ông T đang phát chồi trồng keo nên UBND xã lập biên bản vi phạm hành chính và ngày 30/10/2014 đã ra Quyết định số 64/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T về Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với ông Nguyễn Ngọc T. Ông T khiếu nại Quyết định số 64/QĐ-XPVPHC ngày 30/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T về Xử phạt vi phạm hành chính

trong lĩnh vực đất đai; và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T đã ban hành Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 giải quyết khiếu nại của ông T, sau đó ông T không có khiếu nại nhưng ông T không thi hành quyết định xử phạt nên ngày 29/7/2015 Chủ tịch UBND xã đã ban hành Quyết định số 95/QĐ-CC ngày 29/7/2015 về cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 64/QĐ-XPVPHC ngày 30/10/2014, Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức cưỡng chế 11 trụ bê tông và 4.422 cây keo. Nay ông T yêu cầu hủy Quyết định số 64/QĐ-XPVPHC ngày 30/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T về Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của Chủ tịch UBND xã T về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T; Quyết định số 95/QĐ-CC ngày 29/7/2015 của Chủ tịch UBND xã T về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 64/QĐ-XPVPHC ngày 30/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T và yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T bồi thường thiệt do cưỡng chế thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 64/QĐ-XPVPHC ngày 30/10/2014, tổng số tiền bồi thường là 40.900.000 đồng Chủ tịch UBND xã T không chấp nhận các yêu cầu của người khởi kiện vì lý do những quyết định trên Chủ tịch UBND xã T ban hành là đúng pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hạ Thị L; anh Nguyễn Hữu T đều thống nhất với việc trình bày của người khởi kiện.

Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu hủy Quyết định số 64/QĐ-XPVPHC ngày 30/10/2014 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Ngọc T. Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 Chủ tịch UBND xã T về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T, Quyết định số 95/QĐ-CC ngày 29/7/2015 của Chủ tịch UBND xã T về cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Bác yêu cầu của người khởi kiện yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 40.900.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 12/4/2017 người khởi kiện kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm: Hủy Quyết định số 64/QĐ-XPVPHC ngày 30/10/2014; Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 và Quyết định số 95/QĐCC ngày 29/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T bồi thường thiệt hại về tài sản cho người khởi kiện với số tiền 40.900.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hạ Thị L là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án chấp hành đúng theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe người khởi kiện, người bị kiện trình bày, căn cứ vào kết quả tranh tụng, các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án hành chính nhận thấy:

[1] Ông Nguyễn Ngọc T kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm về các nội dung liên quan đến các Quyết định số 64/QĐ-XPVPHC ngày 30/10/2014; Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 và Quyết định số 95/QĐCC ngày 29/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T và yêu cầu bồi thường thiệt hại cho ông cụ thể, ông yêu cầu hủy các Quyết định nêu trên và bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông với số tiền 40.900.000đồng.

[2] Trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các Quyết định:

Quyết định số 64/QĐ-XPVPHC ngày 30/10/2014 về việc xử lý vi phạm hành chính là đúng theo quy định tại Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính và điểm a khoản 1 Điều 9; điểm b khoản 1 Điều 25 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009.

Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 về việc giải quyết khiếu nại là đúng theo quy định tại các Điều 17, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Luật Khiếu nại 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 quy định quy trình giải quyết khiếu nại.

Quyết định số 95/QĐCC ngày 29/7/2015 về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 73, Điều 74, Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[3] Về nội dung của các Quyết định thì Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Diện tích đất 5848m² tại thửa số 03, tờ bản đồ số 34, xã T trước đây là rừng nguyên sinh do Ủy ban nhân dân xã T quản lý và đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg (cụ thể tại sổ đăng ký ruộng đất quyền số 3, trang số 17, dòng thứ 15, thửa đất số 1336, diện tích 42.160 m²) và theo Nghị định 64/CP (cụ thể là tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 34, diện tích 432.602 m²). Năm 2003 thực hiện chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc, vào ngày 25/12/2003 Ủy ban nhân dân xã T ký hợp đồng kinh tế với các ông Nguyễn Văn C, Ông Nguyễn Đ, Ông

Nguyễn Văn T và cho các Ông thuê đất với diện tích 18,07 héc ta, để trồng cây, thời hạn 30 năm từ ngày 02/11/2003 đến hết ngày 02/11/2033. Trong quá trình sử dụng thì ông Nguyễn Ngọc T đã có hành vi lấn chiếm với diện tích đất mà các Ông đã thuê nên có sự tranh chấp giữa các Ông C, Ông Đ, Ông T với Ông Nguyễn Ngọc T. Ngày 20/12/2013 các ông đã trả lại diện tích đất đã thuê cho Ủy ban nhân dân xã T (thuê 37.898m² trong số 18,07 héc ta trong đó có diện tích 5848m² do Ủy ban nhân dân xã T quản lý).

Chưa được sự cho phép của cấp có thẩm quyền vào ngày 24/10/2014 ông Nguyễn Ngọc T cho người dựng trụ bê tông và trồng cây keo trên đất do Ủy ban nhân dân xã T là người quản lý. Ủy ban nhân dân xã T đã mời ông T đến Ủy ban để làm việc nhưng Ông T không chấp hành mà vẫn tiếp tục trồng cây keo trên diện tích đất nói trên. Ngày 29/10/2014 đại diện của Ủy ban nhân dân xã T đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với Ông Nguyễn Ngọc T. Ngày 30/10/2014 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T đã ban hành Quyết định số 64/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Ngọc T. Ngày 15/12/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T đã ban hành Quyết định số 205/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại đối với ông T. Ngày 29/7/2015 Chủ tịch UBND xã T đã ban hành Quyết định số 95/QĐ-CC ngày 29/7/2015 về việc cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[4] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đối chiếu theo quy định của pháp luật thì có đủ căn cứ để xác định nguồn gốc của thửa đất số 03, tờ bản đồ số 34, diện tích đất 5848m² xã T là do Ủy ban nhân dân xã T quản lý. Hành vi lấn chiếm đất để trồng keo và chôn trụ bê tông trái phép của Ông Nguyễn Ngọc T chưa được phép của cấp có thẩm quyền là vi phạm pháp luật về quản lý đất đai. Do vậy, việc ban hành các Quyết định nói trên đối với Ông Nguyễn Ngọc T là căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Việc ông Nguyễn Ngọc T khai rằng nguồn gốc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 34, diện tích đất 5848m² xã T là của ông, bà, cha mẹ ông T sử dụng ổn định, lâu dài để lại cho ông (nhưng ông không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh). Các Quyết định số 64/QĐ-XPVPHC ngày 30/10/2014; Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 và Quyết định số 95/QĐ-CC ngày 29/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T đã ban hành đối với ông T là đúng pháp luật nên việc ông yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T bồi thường thiệt hại cho gia đình ông với số tiền 40.900.000 đồng là không có căn cứ. Do đó, nội dung kháng cáo của ông là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của ông không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nên ông phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng vì ông Nguyễn Ngọc T sinh năm 1956, thuộc đối tượng là người cao tuổi theo quy định tại đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên ông được miễn tiền án phí (án phí hành chính sơ thẩm; phúc thẩm và án phí dân

sự sơ thẩm; phúc thẩm). Hoàn trả số tiền 500.000đồng cho ông Nguyễn Ngọc T tại các biên lai thu tiền số AA/2014/0003187 và số AA/2010/09654 ngày 21/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T. Sửa bản án hành chính sơ thẩm về phần án phí.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 64/QĐ-XPVPHC ngày 30/10/2014; Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 15/12/2014; Quyết định số 95/QĐCC ngày 29/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T và yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T bồi thường thiệt hại cho ông với số tiền 40.900.000 đồng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; phúc thẩm. Hoàn trả số tiền 500.000đồng cho ông Nguyễn Ngọc T tại các biên lai thu tiền số AA/2014/0003187 và số AA/2010/09654 ngày 21/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi
- TAND huyện Sơn Tịnh
- VKSND huyện Sơn Tịnh
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh
- UBND huyện Sơn Tịnh
- Các đương sự
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Bé